TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**:** 03/2017/KDTM-ST
Ngày: 12/6/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N,
TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiếu**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Tiến Thành**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Hồng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ngọc -** Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án về kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2017 về "***Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐHPT-ST ngày 24/5/2017, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A

Địa chỉ: Tầng 4 – Tòa nhà H – đường D – quận C – thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: 45/3 đường H – phường L – thành phố N – tỉnh Khánh Hòa.

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2017)

* ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần S

Địa chỉ: 06 đường B – phường V – thành phố N – tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Chí U – Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/8/2015, Công ty CP đầu tư và thương mại A (nay là Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A) và Công ty CP S có ký "Hợp đồng dịch vụ độc quyền một phần" số 0017/2015/SĐMT-ABT. Theo hợp đồng, Công ty CP S đồng ý giao cho Công ty CP hợp tác đầu tư A làm đại lý độc quyền một phần, phân phối, tiếp thị, quảng cáo, giới thiệu và môi giới bằng hình thức "tìm kiếm khách hàng đầu tư góp vốn mua căn

hộ thuộc dự án BC, khu dân cư Cồn T, thành phố N – tỉnh Khánh Hòa.” do Công ty CP S làm chủ đầu tư.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã thực hiện các dịch vụ theo thỏa thuận và hai bên đã 05 lần đối chiếu phí dịch vụ. Đến ngày 15/12/2015, Công ty Cổ phần S còn nợ phí dịch vụ và tiền lãi chậm thanh toán tổng cộng là 457.800.101 đồng.

Công ty A đã tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần S thanh toán số nợ trên nhưng bị đơn mới chỉ thanh toán 250.000.000 đồng, còn nợ 207.000.000 đồng.

Sau đó, Công ty A tiếp tục có văn bản đề nghị phía bị đơn phải thanh số tiền phí còn thiếu. Đến ngày 18/11/2016, Công ty cổ phần S có công văn trả lời số 15/CV-TCKT xác nhận còn nợ số tiền trên và cam kết đến ngày 22/11/2016 sẽ thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn không thực hiện các cam kết trên. Do đó, Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần phải thanh toán số tiền phí dịch vụ còn thiếu là 207.000.000 đồng.

- Bị đơn, Công ty cổ phần S: vắng mặt, không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngày 01/8/2015, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại A (nay là Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A) và Công ty cổ phần S có ký “Hợp đồng dịch vụ độc quyền một phần” số 0017/2015/SĐMT-ABT. Theo hợp đồng, Công ty cổ phần S đồng ý giao cho Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A làm đại lý độc quyền một phần, phân phối, tiếp thị, quảng cáo, giới thiệu và môi giới bằng hình thức “tìm kiếm khách hàng đầu tư góp vốn mua căn hộ thuộc dự án BC, khu dân cư Cồn T, thành phố N – tỉnh Khánh Hòa” do Công ty cổ phần S làm chủ đầu tư. Xét “Hợp đồng dịch vụ độc quyền một phần” số 0017/2015/SĐMT-ABT do các bên tự nguyện giao kết, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A đã thực hiện công việc mà Công ty cổ phần S thuê là tìm kiếm khách hàng đầu tư góp vốn mua căn hộ nêu trên. Sau khi đối chiếu phí dịch vụ, đến ngày 15/12/2015 Công ty cổ phần S xác nhận còn nợ phí dịch vụ và lãi chậm trả là 457.800.101 đồng. Tuy nhiên, đến nay Công ty S mới chỉ thanh toán được 250.000.000 đồng, còn nợ 207.000.000 đồng. Ngày 18/11/2016, Công ty cổ phần S cũng đã có Công văn số

15/CV-TCKT xác nhận còn nợ phí dịch vụ và lãi là 207.000.000 đồng, cam kết trả vào ngày 22/11/2016. Đến nay Công ty cổ phần S vẫn không thanh toán phí dịch vụ và tiền lãi chậm thanh toán như đã cam kết tại Công văn số 15/CV-TCKT ngày 18/11/2016 và hợp đồng "Hợp đồng dịch vụ độc quyền một phần" số 0017/2015/SĐMT-ABT ngày 01/8/2015 là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 207.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Án phí: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 85 Luật thương mại;

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn**

1/ Buộc Công ty cổ phần S phải trả cho Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A số nợ theo "Hợp đồng dịch vụ độc quyền một phần" số 0017/2015/SĐMT-ABT ngày 01/8/2015 giữa Công ty cổ phần đầu tư và thương mại A (nay là Công ty CP hợp tác đầu tư A) và Công ty cổ phần S là **207.000.000 đồng** (*Hai trăm lẻ bảy triệu đồng*).

2/ *Án phí*: Công ty cổ phần S phải chịu 10.350.000 đồng (*mười triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch. Hoàn lại cho Công ty cổ phần hợp tác đầu tư A 5.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0005964 ngày 23/1/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N .

3/ Quy định:

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Nha Trang
- Đương sự
- THADS TP. N
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiếu